TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày 23 - 10 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út là Luật sư của Văn Phòng Luật sư Việt Út, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Thanh N, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nguyễn Thị Kiều L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Võ Thanh N thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị xây dựng hôn nhân từ năm 2016, hôn nhân của anh chị là tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 188 ngày 30/9/2016.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có một con chung tên Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017, hiện cháu Q đang sống với ông bà nội tại địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Theo chị L xác định do anh N đi làm ăn xa nhà, có mối quan hệ không trong sáng với người phụ nữ khác, chị phát hiện và khuyên anh N chăm lo cho vợ con và gia đình nhưng anh N không nghe mà ngược lại còn đánh đập chị, đuổi chị đi mà không cho chị mang con theo, còn anh N xác định do chị L ghen tuông vô cớ, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, mặc dù anh đã nhiều lần giải thích nhưng chị L không nghe và bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, trong thời gian vợ chồng không sống chung, anh cũng tìm đến chị L để hàn gắn nhưng chị L không đồng ý. Nay anh xác định vợ chồng không còn niềm tin, không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, nên anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về việc nuôi con chung khi ly hôn: Chị L xác định, khi chị về nhà cha mẹ ruột sống thì gia đình anh N không cho chị mang con theo, anh N đánh chị và hăm dọa sẽ làm hại con, nên chị không mang con theo được. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Anh N xác định, cháu Q sống với gia đình anh từ khi mới sinh ra đến nay, trong thời gian vợ chồng không sống chung cháu Q được ông bà nội trực tiếp chăm sóc, cháu đã quen với môi trường sống với ông bà nội, nên anh

yêu cầu được nuôi con, không đồng ý giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1996 và anh Võ Thanh N, sinh năm 1993.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 cho anh Võ Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh N không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi cháu Q. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/8/2019, chị Nguyễn Thị Kiều L kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và yêu cầu anh Võ Thanh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 12/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu kháng nghị Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu đối với yêu cầu sửa một phần nhận định của bản án sơ thẩm về chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Kiều L với anh Võ Thanh N theo quy định tại Khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Luật sư Nguyễn Văn Út phát biểu tranh luận bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L: Theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi phải giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, tại thời điểm xét xử sơ thẩm, phúc thẩm cháu Q chỉ mới 29 tháng tuổi, trong giai đoạn sơ thẩm cũng như phúc thẩm đều không có căn cứ để chứng minh chị L không đủ điều kiện nuôi con theo quy định pháp luật. Hơn nữa, hiện nay anh N không trực tiếp nuôi con mà để cho cha mẹ anh N nuôi cháu, trong khi pháp luật quy định khi ly hôn

cha, mẹ là người trực tiếp nuôi con chứ không phải là người khác, về điều kiện kinh tế, thu nhập của chị L ổn định từ lương công nhân mỗi tháng 4.100.000đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị L, giao cháu Q cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh N cũng đồng ý nếu Tòa án giao con cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh cũng đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh N về mức cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ lời khai các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện tại thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cháu Võ Ngọc Như Q dưới 36 tháng tuổi, nhưng cấp sơ thẩm giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng khi không có căn cứ xác định chị L là người không đủ điều kiện nuôi con là không đúng quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, tại phiên tòa chị L và anh N thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ phù hợp pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu đối với phần nhận định của Bản án sơ thẩm không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng tại phần quyết định của Bản án lại tuyên đúng như đề nghị của Kiểm sát viên và phần yêu cầu xác minh tình trạng hôn nhân.

Từ những phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị L và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng giao cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Võ Thanh N. Xét thấy, theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu được ly hôn với anh N, trong quá trình tố tụng, anh N cũng đồng ý ly hôn, nhưng các bên không thỏa thuận được việc nuôi con sau ly hôn, cấp sơ thẩm tuyên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Võ Thanh N là chưa đúng theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặc dù, phần này của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nhưng cần xem xét lại phần cách tuyên cho phù hợp pháp luật và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kiều L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 31/7/2019, cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 chỉ mới 26 tháng 12 ngày tuổi. Theo khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con";*

"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị L và anh N không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án quyết định. Tuy nhiên, việc giao con cho chị L hay anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng và phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con.

Xét về điều kiện kinh tế, vật chất chị L hiện đang là công nhân của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên sản xuất kinh doanh D, có thu nhập ổn định mỗi tháng 4.100.000đ, có thời gian và điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hơn anh N, vì hiện tại anh N đi làm tại tỉnh Bình Thuận vài tháng mới về thăm con một lần. Hơn nữa, cháu Q là con gái chỉ mới

29 tháng tuổi (tính đến ngày 23/10/2019), nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn; căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc giao cháu Võ Ngọc Như Q cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Do đó, kháng cáo của chị L và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận, cần sửa phần này của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B. Buộc anh Võ Thanh N có trách nhiệm giao cháu Võ Ngọc Như Q cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Trong thời gian chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp nuôi cháu Võ Ngọc Như Q, anh Võ Thanh N có căn cứ cho rằng chị L không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh N có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh Võ Thanh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

[5] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kiều L yêu cầu anh Võ Thanh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*" và Điều 119 quy định người có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như sau: " *Người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng phải thực hiện nghĩa vụ đó*", theo đó chị L là người có quyền yêu cầu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét mức cấp dưỡng, theo Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*", tại phiên tòa phúc thẩm, chị L yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, anh N đồng ý mức cấp dưỡng theo yêu cầu của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị về mức cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp

pháp luật, nên cần ghi nhận buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Ngọc Như Q mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

[6] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Luật sư là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, xét thấy việc rút một phần kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kiều L và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Kiều L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; án phí cấp dưỡng buộc anh Võ Thanh N phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kiều L và chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Sửa một phần Bản án hôn

nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Kiều L và anh Võ Thanh N.

Xử cho chị Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1996 được ly hôn với anh Võ Thanh N, sinh năm 1993.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Buộc anh Võ Thanh N có trách nhiệm giao cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 cho chị Nguyễn Thị Kiều L.

- Anh Võ Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Anh Võ Thanh N có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp anh Võ Thanh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Thanh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Võ Ngọc Như Q, sinh ngày 18/5/2017 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu Võ Ngọc Như Q tròn 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày anh Võ Thanh N giao cháu Võ Ngọc Như Q cho chị Nguyễn Thị Kiều L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B yêu cầu sửa một phần nhận định của Bản án sơ thẩm.

6. Về án phí:

6.1 Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Kiều L phải chịu 300.000đ. Chị Nguyễn Thị Kiều L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0014668 ngày 27/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều L không phải nộp, chị Nguyễn Thị Kiều L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số 0005711 ngày 12/8/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

6.3 Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Võ Thanh N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND huyện B (01 bản);
- CCTHADS huyện B (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Anh Tuấn